

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD Chuyên đề khối 11
GV: Phạm Thị Hà
Ngày soạn: 10 /9/2025
Ngày dạy: Tuần 11,12,13(Tiết 1-10)

CHUYÊN ĐỀ 1: TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

(Thời gian thực hiện: 09 tiết)

PHẦN 1: TẬP NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

(Thời gian thực hiện: 04 tiết)

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

- Biết các yêu cầu, cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Nắm được quy trình nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Vận dụng một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học trung đại Việt Nam.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học trung đại Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.
- Vận dụng một số hiểu biết từ chuyên đề đọc hiểu để viết về văn học trung đại Việt Nam.
- Biết thuyết trình, trao đổi về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Trân trọng, giữ gìn những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.
- Có trách nhiệm với công việc của mình.
- Có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa cha ông để lại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, Phiếu học tập, bảng nhóm, các công cụ đánh giá...

2. Học liệu:

- SGK, kế hoạch bài dạy.
- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.
- Video, clip, tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Bút, giấy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Huy động, kích hoạt kiến thức đã học trước đó và trải nghiệm của HS có liên quan đến nội dung bài học. Tạo tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.

b. Nội dung: GV chiếu cho học sinh một số tác phẩm trung đại đã học và cho học sinh đoán tên tác phẩm.

c. Sản phẩm: Học sinh quan sát và đoán tên tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem các tác phẩm - HS trả lời câu hỏi: Em hãy đọc tác phẩm và đoán tên tác phẩm vừa quan sát. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát và trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời cá nhân. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá, kết luận và giới thiệu bài mới.	Câu trả lời của HS
---	--------------------

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

NỘI DUNG 1. TRI THỨC TỔNG QUÁT

a. Mục tiêu: HS nắm kiến thức nền tảng để thực hành nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại.

b. Nội dung: HS đọc SGK Chuyên đề trang 4-8 và nắm được những thông tin cơ về tri thức tổng quát.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và tri thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc phần Tri thức tổng quát trong sách chuyên đề (trang 4-8). - HS nắm các ý trọng tâm. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nắm các nội dung cơ bản. B3. Báo cáo thảo luận HS trình bày nội dung chính. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá và kết luận. - HS gạch nội dung chính trong sách giáo khoa.	<u>1. Ngôn ngữ và chữ viết của văn học trung đại VN</u> Văn học viết Việt Nam thời trung đại chủ yếu sử dụng hai loại chữ viết: chữ Hán và chữ Nôm. <u>2. Diễn trình văn học trung đại Việt Nam</u> - VHTĐ VN vận động, phát triển theo sự chi phối đồng thời của lịch sử xã hội, lịch sử quốc gia dân tộc; sự vận động nội tại của đời sống ngôn ngữ và văn học. - Diễn trình của VHTĐVN gồm 4 giai đoạn: + Giai đoạn thế kỉ X-thế kỉ XIV + Giai đoạn thế kỉ XV-thế kỉ XVII + Giai đoạn đầu thế kỉ XVIII-nửa đầu thế kỉ XIX + Giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX <u>3. Một số xu hướng vận động chủ yếu của văn học trung đại VN</u> - Văn học viết bằng chữ Nôm ngày càng phát triển mạnh mẽ bên cạnh văn học viết bằng chữ Hán, tạo nên hiện tượng “song ngữ” độc đáo. - Từ đề tài, chủ đề quan phương đến các đề tài, chủ đề hướng vào sự đa dạng của đời sống. - Từ tri thức cung đình đến Nho sĩ bình dân. - Từ sáng tác mang tính chức năng đến sáng tác theo cảm hứng thẩm mĩ. - Từ khuynh hướng quy phạm, trang nhã đến khuynh hướng phá cách, bình dị. - Từ việc chỉ dùng thể loại vay mượn đến việc sáng tạo thêm các thể loại văn học mới.

	- Từ “văn - sử - triết bất phân” đến việc phân định ranh giới rõ nét giữa văn chương với các văn bản ngôn từ khác.
--	--

NỘI DUNG 2: TẬP NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

a. Mục tiêu

- HS nắm được quy trình nghiên cứu một vấn đề VHTĐVN.
- Biết kết hợp những nội dung được học trong chương trình.
- Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, lưu loát phần kết quả nghiên cứu.

b. Nội dung: GV chuyển giao yêu cầu qua phiếu học tập cho HS.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành được phiếu học tập với những yêu cầu kiến thức cơ bản.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1: Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu.</u> Hoạt động 1: Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu <i>* GV hướng dẫn HS cách lựa chọn đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và kế hoạch nghiên cứu.</i> B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS trả lời Phiếu học tập 1. B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS hoàn thành phiếu học tập 1. B3. Báo cáo kết quả và thảo luận GV yêu cầu một số HS trình bày sản phẩm và nhận xét. B4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt ý. <i>* Hướng dẫn HS cách xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu.</i> B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS cách xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu. - GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập 2. B2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS xác định hướng lựa chọn đề tài, vấn đề nghiên cứu (Thảo luận nhóm). - Đọc phần 1 (SGK trang 9,10).	<u>1. XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, VẤN ĐỀ, MỤC TIÊU, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ LẬP KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU</u> <u>1. Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu</u> - Là một nội dung học tập trong chương trình cần được tìm hiểu sâu khi có điều kiện. - Được diễn đạt bằng hình thức cô đọng, ngầm chứa câu hỏi nghiên cứu cần được giải đáp. - Có tính khả thi trong điều kiện học tập. <u>2. Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu</u> 2.1. Xác định mục tiêu nghiên cứu <i>a. Mục tiêu kiến thức</i> - Liên quan trực tiếp đến nội dung đề tài, vấn đề nghiên cứu, có thể xác định mục tiêu ngay từ tên đề tài. <i>b. Mục tiêu kỹ năng</i> - Xác định những kỹ năng cơ bản cần hình thành khi thực hiện các khâu của quá trình tập nghiên cứu. - Liên quan đến kỹ năng mà việc thực hiện một đề tài cụ thể đòi hỏi. <i>c. Mục tiêu về thái độ và giá trị</i> - Từ việc triển khai đề tài nghiên cứu, HS hình thành, phát triển nhiều phẩm chất. - HS thụ hưởng nhiều giá trị sống. 2.2. Nội dung nghiên cứu - Dự kiến những nội dung trọng tâm nghiên cứu: Đề tài, vấn đề nghiên cứu có đặc điểm gì mới so với các đề tài về VHTĐVN đã biết? Đề tài, vấn đề nghiên cứu được triển khai theo bố cục nào? Cách

- Thực hiện các yêu cầu theo phiếu học tập 2.

B3. Báo cáo kết quả và thảo luận

Đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi trong **Phiếu học tập 2.**

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chốt ý.

Hoạt động 2: Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS biết cách xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần 2 (SGK trang 11).
- Nhớ lại các mục tiêu nghiên cứu theo các khía cạnh đã học ở lớp 10.
- Trả lời câu hỏi: *Làm thế nào để có thể xác định được nội dung nghiên cứu?*

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày sản phẩm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, chốt ý.

Hoạt động 3: Xác định phương pháp nghiên cứu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS biết cách xác định phương pháp nghiên cứu.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- + Học sinh đọc phần 3 (SGK trang 12).
- + Thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi:
? *Thế nào là PP nghiên cứu?*
? *Mục đích, yêu cầu khi lựa chọn PPNC.*

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày sản phẩm.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, hướng dẫn HS gạch ý trong SGK.

Hoạt động 4: Lập kế hoạch nghiên cứu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

HS biết cách Lập kế hoạch nghiên cứu.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- + HS trả lời các câu hỏi sau:
? *Theo em, lập kế hoạch nghiên cứu là phải làm những gì?*

thức thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu? Ý nghĩa của đề tài, vấn đề?

- Từ nội dung trọng tâm hình thành hệ thống luận điểm của báo cáo nghiên cứu.

3. Xác định phương pháp nghiên cứu

- PP nghiên cứu.
- Mục đích, yêu cầu
- Một số PP nghiên cứu có thể sử dụng (SGK trang 12)

4. Lập kế hoạch nghiên cứu

- Dự kiến, hình dung, sắp xếp công việc theo trình tự thời gian hợp lý.

VD: Kế hoạch nghiên cứu – SGK tr.13.

II. THU NHẬP, XỬ LÝ VÀ TỔNG HỢP THÔNG TIN

1. Thu thập, tra cứu và phân loại thông tin

a. Thu thập thông tin, tài liệu

Bạn cần trang bị cho mình những hiểu biết nhất định về các loại từ điển, sách công cụ; các tài liệu cung cấp ngữ liệu văn bản.

Một số loại từ điển và sách công cụ tra cứu về văn học trung đại:

- Từ điển Hán – Việt
- Từ điển văn học
- Từ điển điển cố văn học
- Các tổng hợp, hợp tuyển, tuyển tập,... văn học có liên quan đến nguồn ngữ liệu.

b. Tra cứu và phân loại thông tin, tài liệu

- Cần mở rộng phạm vi tìm tòi để có thể bao quát được nguồn tài liệu có liên quan. Các nguồn tư liệu và tài liệu cần khai thác: tư liệu điền dã tại di tích thờ tự liên quan đến tác giả, tài liệu của dòng họ tác giả; thư viện của các đơn vị, cơ quan hoặc thư viện, tủ sách cá nhân; những chỉ dẫn tìm kiếm trên internet, trang thông tin điện tử chính thức của các cơ quan nghiên cứu và tổng mục lục của các tạp chí văn học, ngôn ngữ,...

- Với đề tài, vấn đề nghiên cứu có quá nhiều thông tin, trước hết bạn cần tra cứu, đọc lướt những tài liệu đáng tin cậy và bước đầu phân loại chúng (theo nội dung, tính chất tài liệu,...).

2. Xử lý và tổng hợp thông tin

a. Đọc, ghi chép, lựa chọn ngữ liệu

- Đây là công việc quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến kết quả của đề tài. Đọc để hình thành ý tưởng nghiên cứu, từ đó xây dựng, phát triển luận

? Lợi ích của việc lập kế hoạch nghiên cứu?

B3. Báo cáo thảo luận

HS trả lời các câu hỏi.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

- GV hướng dẫn HS tự đánh giá câu trả lời.
- GV chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia thành 4 nhóm: nhóm 1,3 Thu thập, tra cứu và phân loại thông tin. Nhóm 2, 4 tìm hiểu về xử lý và tổng hợp thông tin.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên, ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm: Các bước triển khai báo cáo (chú ý bước tra cứu và phân loại thông tin, tài liệu)

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của mình.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- HS gạch nội dung chính trong sách giáo khoa.

Nhiệm vụ 3: Lựa chọn hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS xác định được hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu bằng văn bản, lựa chọn được mẫu đề cương phù hợp.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS nắm được các yêu cầu, nguyên tắc chung của mẫu đề cương.
- Thảo luận đề xuất mẫu trình bày.

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày sản phẩm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- HS gạch nội dung chính trong sách giáo khoa.

điểm là công việc diễn ra đầu tiên nhưng xuyên suốt quá trình thực hiện đề tài.

- Khi đã xác định đề tài, việc đọc sẽ có được một định hướng cơ bản; khi xây dựng đề cương nội dung nghiên cứu, việc đọc cần gắn liền với ghi chép, lựa chọn – sắp xếp các dẫn chứng để phục vụ cho việc triển khai luận điểm.

b. Đọc, ghi chép các ý kiến có thể được sử dụng làm trích dẫn

Mẫu phiếu ghi nội dung trích dẫn hoặc dẫn chứng dự kiến sử dụng:

(Số thứ tự hoặc kí hiệu phiếu: ghi theo nhu cầu, mục đích sử dụng)

- Phân loại: ghi thông tin phân loại trích dẫn, dẫn chứng theo yêu cầu của đề tài.
- Dự kiến sử dụng: dùng cho nội dung nào, luận điểm nào của báo cáo nghiên cứu.
- Mục đích của việc đưa ra trích dẫn: được dùng cho mục đích gì.
- Nội dung trích dẫn: sao nguyên văn nội dung ý kiến hoặc dẫn chứng dự định trích dẫn.
- Nguồn trích dẫn: sử dụng kí hiệu để có sự tương ứng với danh mục tài liệu tham khảo, ghi rõ số trang của nội dung trích dẫn tại tài liệu được trích dẫn.

c. Lập hồ sơ nghiên cứu

- Hồ sơ nghiên cứu bao gồm tất cả những tư liệu, tài liệu liên quan đến đề tài, vấn đề và sản phẩm nghiên cứu. Hồ sơ cần thực hiện, sắp xếp, lưu trữ một cách khoa học để có thể sử dụng lâu dài.
- Cần phải phân loại, xử lý các tư liệu có được, sau đó tự đặt kí hiệu và sắp xếp theo một trình tự nhất định để thuận tiện trong sử dụng, lưu trữ.

III. HÌNH THỨC TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

- Yêu cầu về hình thức: SGK trang 16.
- Trình bày trang bìa: SGK trang 16.
- Trình bày nội dung đề cương báo cáo nghiên cứu: SGK trang 16, 17.

--	--

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nội dung	Những thông tin ban đầu	Bổ sung
Những yêu cầu để xác định đề tài, vấn đề?		
Những yêu cầu để xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu?		
Các bước lập kế hoạch nghiên cứu?		

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nội dung	Những thông tin ban đầu	Bổ sung
Đề tài, vấn đề bạn lựa chọn có liên quan như thế nào đến nội dung, yêu cầu học tập của chương trình?		
Đề tài, vấn đề ấy đã có nhiều người nghiên cứu hay chưa? Bạn dự kiến cách triển khai và đóng góp của mình là gì?		
Bạn có khả năng tìm kiếm tài liệu từ những nguồn nào để phục vụ cho đề tài, vấn đề nghiên cứu?		
Các tác phẩm VHTĐ có rất nhiều bản dịch, phiên âm khác nhau. Bạn có kinh nghiệm gì hoặc dự kiến xin tư vấn của ai để có thể lựa chọn được văn bản tốt nhất?		

PHẦN 2: VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

(Thời gian thực hiện: 05 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Giúp HS hiểu được các bước triển khai báo cáo nghiên cứu văn học trung đại theo từng loại đề tài: Nghiên cứu theo hướng “giải mã”, phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích tác phẩm văn học trung đại; nghiên cứu một hình tượng hoặc một khía cạnh giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại; nghiên cứu, lí giải cách hiểu về một số hoặc một chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, điển cố,...trong tác phẩm văn học trung đại; ...

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học trung đại Việt Nam.

HS trả lời cá nhân. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá, kết luận và giới thiệu bài mới.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

NỘI DUNG 1. TÌM HIỂU CÁCH TRIỂN KHAI BÁO CÁO

a. Mục tiêu

- HS huy động các tri thức, kĩ năng đã học ở phần 1 của chuyên đề 1 để tìm hiểu về các bước triển khai báo cáo về một số dạng đề tài cụ thể.
- Biết phân tích, lí giải được các phần, nội dung trong các văn bản tham khảo được cho trong sách chuyên đề.

b. Nội dung

- HS làm việc theo nhóm: đọc trước sách chuyên đề, xác định các bước triển khai báo cáo.
- Đọc các bài báo cáo tham khảo trong sách, phân tích được những nội dung, xác định được các vấn đề trọng tâm của bài báo cáo.

c. Sản phẩm: Bảng nhóm - sản phẩm làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Hoạt động 1: Tìm hiểu cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài</u> B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia thành 4 nhóm: nhóm 1, 3 tìm hiểu về đề tài 1; Nhóm 2,4 tìm hiểu về đề tài 2. - Ở bước 2: Mỗi nhóm hãy lập đề cương cho đề tài mình đã chọn, thu thập thông tin ở các tiết trước. B2. Thực hiện nhiệm vụ Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên, ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm: Các bước triển khai báo cáo (chú ý bước lập đề cương). B3. Báo cáo thảo luận Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của mình. B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	<u>I. CÁCH TRIỂN KHAI BÁO CÁO NGHIÊN CỨU THEO TỪNG LOẠI ĐỀ TÀI</u> <u>1. Nghiên cứu theo hướng "giải mã", phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại</u> Bước 1: Chuẩn bị - Kiểm tra lại, hệ thống hóa kết quả công việc đã thực hiện bước thu thập, xử lí ngữ liệu. - Xác định đề tài, sắp xếp các ý kiến trích dẫn theo nhóm vấn đề. Bước 2: Tìm ý, lập đề cương <i>Ví dụ: Đề tài: Bài thơ "Cảnh ngày hè" của Nguyễn Trãi - Tám lòng yêu nước thương dân của Ước Trại.</i> * Đặt vấn đề: - Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi. - Giới thiệu khái quát <i>Cảnh ngày hè</i>. * Giải quyết vấn đề: - Giới thiệu về tập thơ “Quốc âm thi tập”. + Tập thơ Nôm sớm nhất hiện còn. + Gồm có 254 bài, chia 4 phần, mỗi phần có nhiều mục + Giá trị: ++ Nội dung: phản ánh vẻ đẹp con người Nguyễn Trãi. ++ Nghệ thuật: Thất ngôn Đường luật xen lẫn lục ngôn. - Giới thiệu chung về bài thơ <i>Cảnh ngày hè</i>. + Xuất xứ: là bài 43 trong 61 bài thơ thuộc mục <i>Bảo kính cảnh giới</i> của <i>Quốc âm thi tập</i>. + Thể thơ: Thất ngôn xen lẫn lục ngôn.

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận. <u>Hoạt động 2: Tìm hiểu các văn bản tham khảo</u> B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc trước văn bản ở nhà, chú ý đến các box hướng dẫn đọc để tham khảo cách thức triển khai nội dung báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài. - GV chia lớp thành 2 nửa, dãy bên phải thảo luận về bài 1, dãy bên trái thảo luận về bài 2. Các dãy sẽ thảo luận theo cặp đôi ngồi cạnh nhau theo gợi ý sau: 1. Bài thơ Thuật hoài của Trần Quang Khải-Tác phẩm tiêu biểu cho hào khí Đại Việt thời Trần - <i>Bố cục báo cáo gồm mấy phần? Nội dung chính từng phần?</i> - <i>Việc tập hợp và phân tích các dị bản có ý nghĩa gì?</i> - <i>Việc so sánh, đối chiếu các bản dịch nhằm mục đích gì?</i> - <i>Trong khi triển khai các luận điểm, báo cáo có những điểm nào đáng chú ý?</i> 2. "Chí nam nhi" trong bài thơ Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão. - <i>Hình thức bài có gì đặc biệt?</i> - <i>Bài viết tập trung vào phần nào?</i> - <i>Bài viết có sử dụng các thao tác nào?</i> - <i>Cách triển khai các luận điểm như thế nào?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ - Các cặp đôi thảo luận theo gợi ý câu hỏi ở trên.	+ Bố cục: 2 phần: ++ 6 câu đầu: Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống ngày hè. ++ 2 câu cuối: Nỗi lòng của tác giả. - Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. + Sáu câu thơ đầu: ++ Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, sinh động và đầy sức sống được thể hiện qua các hình ảnh hòng, thạch lựu, liên...; các từ ngữ đùn đùn, phun, giương...; nhịp thơ linh hoạt; thể hiện bằng nhiều giác quan như thị giác, khứu giác ++ Bức tranh cuộc sống thanh bình, yên ả được thể hiện qua hình ảnh chợ cá, âm thanh tiếng ve; các từ láy lao xao, dăng dỏi; biện pháp tu từ đảo ngữ, đối... + Hai câu cuối Câu lục ngôn cùng với điển tích: dồn nén cảm xúc, điểm kết tụ tâm hồn Ưc Trai: lòng yêu nước thương dân. - So sánh với các bài thơ khác trong tập <i>Quốc âm thi tập</i> để thấy rõ tấm lòng tác giả với dân với nước. * Kết luận: + Khẳng định giá trị đặc sắc của bài thơ. + Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo. - Tài liệu tham khảo. Bước 3: Viết - Từ ngữ linh hoạt song phải chính xác. - Diễn đạt đa dạng, câu văn linh hoạt, văn phong rõ ràng, mạch lạc. - Chú ý Cách đưa dẫn chứng, trích dẫn phù hợp, xác thực, không dài dòng. - Sử dụng các biểu đồ, sơ đồ tư duy, hình ảnh, bảng biểu.... sẽ làm cho bài viết thuyết phục hơn. Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện Nội dung: - Kiểm tra lại hệ thống ý, luận điểm để kịp thời điều chỉnh. - Kiểm tra sự phù hợp các dẫn chứng, số liệu, hình ảnh minh họa.. Hình thức và ngôn ngữ: - Rà soát các câu văn, đoạn văn...để phát hiện các lỗi chính tả, ngữ pháp cần chỉnh sửa. - Kiểm tra các trích dẫn, tài liệu tham khảo.... <u>2. Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại</u> Bước 1: Chuẩn bị - Căn cứ đề tài đã chọn kiểm tra lại các thông tin, các dẫn chứng, số liệu... - Lựa chọn các ý kiến trích dẫn xác đáng. Bước 2: Tìm ý, lập đề cương
--	---

- Trình bày ngắn gọn vào giấy.

B3: Báo cáo thảo luận

GV gọi một số cặp đôi trình bày trước lớp kết quả thảo luận của nhóm mình.

B4: Đánh giá kết quả

- GV cho HS tự đánh giá phần trình bày các nhóm.
- GV kết luận, nhận định.

Ví dụ: Đề tài: Thể thơ thất ngôn Đường luật đã được Nguyễn Trãi sử dụng thuần thực như một thể thơ dân tộc trong bài thơ Cảnh ngày hè.

*** Đặt vấn đề**

Giới thiệu về sự vận dụng thuần thực thể thơ thất ngôn Đường luật của Nguyễn Trãi.

*** Giải quyết vấn đề**

- Khái quát chung về thể thơ Đường luật.

+ Khái niệm

+ Nguồn gốc

+ Phân loại

+ Đặc điểm

- Thể thơ Đường luật được Nguyễn Trãi sử dụng trong bài thơ *Cảnh ngày hè*.

+ Thể thơ: Thất ngôn xen lẫn lục ngôn (câu đầu và câu cuối là lục ngôn): sự dồn nén cảm xúc.

+ Nhịp: 1/2/4; 2/2/3 rồi 3/4, 4/3: linh hoạt và sáng tạo.

+ Vần: gieo vần ương ở câu 1,2, 4,6,8.

+ Đối: câu 5 và 6.

+ Biện pháp tu từ: đảo ngữ.

- Đánh giá chung:

+ Nguyễn Trãi vận dụng linh hoạt và sáng tạo thể thơ thất ngôn Đường luật, điều này thể hiện ở rất nhiều bài thơ trong tập *Quốc âm thi tập*.

+ Tác dụng: bài thơ cô đọng, giản dị, ý thơ mạnh mẽ phù hợp việc thể hiện cảm xúc, những mong muốn quyết tâm nhà thơ.

+ Cách ngắt nhịp phong phú nhằm diễn đạt tình cảm tinh tế, sâu sắc.

+ Với sự cách tân này, Nguyễn Trãi dân phá vỡ những khuôn thước quy phạm của Đường thi để phù hợp với ngôn ngữ và đời sống dân tộc.

*** Kết luận**

*** Tài liệu tham khảo**

Bước 3: Viết

Dựa vào đề cương, viết báo cáo.

Bước 4: Chỉnh sửa và hoàn thiện

- Đọc lại và bổ sung, hoàn thiện bài.

II. TÌM HIỂU CÁC VĂN BẢN THAM KHẢO

1. Bài thơ Thuật hoài của Trần Quang Khải - Tác phẩm tiêu biểu cho hào khí Đại Việt thời Trần

- Bố cục 4 phần:

+ Phần mở đầu: Lí do chọn đề tài, mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu.

+ Nội dung chính: Tác giả và hoàn cảnh sáng tác, một số vấn đề về văn bản, giải mã văn bản.

+ Kết luận: Đánh giá, nhận xét chung, tài liệu tham khảo.

+ Tài liệu tham khảo.

	- Tập hợp và phân tích các dị bản: năm dị bản nguyên văn chữ Hán, năm bản phiên dịch. Việc phân tích, nhận định để xác định văn bản tin cậy, có khả năng gần với nguyên tác nhất. - So sánh, đối chiếu các bản dịch để nhận ra các ưu điểm-khuyết điểm của từng bản. - Một số điểm đáng chú ý trong việc triển khai luận điểm: + Dẫn giải chi tiết về các dị văn, dị bản; kèm với việc tìm tòi để cung cấp hình ảnh minh chứng văn bản, giúp xác thực và kiểm chứng các thông tin được trình bày. + Các luận điểm đều trình bày theo trình tự thời gian, tôn trọng nguyên văn của tư liệu. + Trình bày quan điểm riêng của từng khía cạnh, kết hợp với phân tích và biện luận. + Căn cứ vào cấu trúc lập luận, vào mạch thơ để phân tích, lí giải các khía cạnh nổi bật của nội dung và nghệ thuật tác phẩm. <u>2. “Chí nam nhi” trong bài thơ Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão</u> - Đây là bài viết phân tích, đánh giá của một GV nên không có hình thức, cấu trúc của một báo cáo nghiên cứu. - Bài viết tập trung phân tích một khía cạnh nội dung, tư tưởng trong một bài thơ ngắn, nhưng là khía cạnh trung tâm có liên quan đến tất cả các phương diện khác của tác phẩm. - Bài viết có sử dụng các thao tác: phân tích, khảo chứng, so sánh, bình giảng... - Cách triển khai các luận điểm theo mạch nội dung của tác phẩm.
--	--

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Chỉ ra được hình thức của bài viết tham khảo		
2	Trình bày được nội dung của bài viết tham khảo		
3	Chỉ ra được cách triển khai luận điểm trong bài viết tham khảo		
4	Cách thức trình bày để lại ấn tượng sâu sắc		

NỘI DUNG 2: HƯỚNG DẪN HỌC SINH VIẾT BÁO CÁO VÀ THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

a. Mục tiêu

- HS viết báo cáo theo đề tài đã chọn.

- Bám sát cấu trúc bài báo cáo, đủ dung lượng, đúng thời gian.
- Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, lưu loát phần kết quả nghiên cứu.

b. Nội dung

- HS có thể lựa chọn 1 trong hai đề tài đã lập đề cương trong các tiết trước hoặc chọn một đề tài khác thuộc văn học trung đại Việt Nam để viết.
- Báo cáo được đánh máy, in và nộp lại cho GV.

c. Sản phẩm: Báo cáo nghiên cứu của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Hoạt động 1: Thực hiện viết báo cáo nghiên cứu</u> B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn - Bám sát hướng dẫn sách chuyên đề để viết. - Chú ý: diễn dài các ý thành đoạn văn rồi kết nối thành bài hoàn chỉnh. - HS đánh máy, căn chỉnh văn bản theo quy định tiết trước. Dung lượng đảm bảo: 1000 đến 1500 chữ. - Ngôn ngữ đúng văn phong khoa học. - Kết cấu: Bài viết có đủ 4 phần: Mở đầu, nội dung chính, kết luận và tài liệu tham khảo. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS viết báo cáo cá nhân. - Trong quá trình HS thực hiện việc viết báo cáo nghiên cứu, GV tiếp tục kết nối, theo dõi, giải đáp thắc mắc, trợ giúp để HS hoàn thành nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận HS sẽ báo cáo trên lớp vào các tiết sau. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá dựa trên báo cáo của HS. <u>Hoạt động 2: Thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu</u> B1: Chuyển giao nhiệm vụ Hs báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trước lớp. B2: Thực hiện nhiệm vụ + HS tóm lược bài viết thành bản tóm tắt, nhấn mạnh những luận điểm then chốt, những ý kiến riêng. + Đề phân trình bày sinh động, hấp dẫn hơn, trong điều kiện cho phép, khuyến khích HS sử dụng máy chiếu, màn hình, bảng phụ,... B3: Báo cáo thảo luận - Lưu ý: diễn đạt rõ ràng, chính xác, tốc độ nói và âm lượng vừa phải, dễ nghe. - Phối hợp sử dụng các phương tiện nghe nhìn một cách nhịp nhàng. - Lựa chọn tư thế, tác phong phù hợp (đĩnh đạc, tự tin, thân thiện). B4: Đánh giá kết quả thực hiện GV hướng dẫn HS tự đánh giá, đánh giá chéo.	<u>I. VIẾT BÁO CÁO</u> <u>II. THUYẾT TRÌNH</u> 1. Chuẩn bị 2. Trình bày 3. Trao đổi 4. Tiếp thu ý kiến, rút kinh nghiệm

NỘI DUNG 3: HƯỚNG DẪN HỌC SINH ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

a. Mục tiêu

- HS tự đánh giá được bài viết của mình.

- HS đánh giá được bài viết của bạn.

b. Nội dung: HS đánh giá theo tiêu chí rubric.

c. Sản phẩm: bảng rubric đánh giá của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá chéo (xếp loại) theo tiêu chí sau:

Bảng rubric đánh giá bài viết của HS

STT	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Đề tài và phương pháp thao tác nghiên cứu	Đề tài hấp dẫn, phù hợp có tính mới, có giá trị ứng dụng cao, sử dụng thành thạo các phương pháp, thao tác nghiên cứu	Đề tài phù hợp, tương đối hấp dẫn, có giá trị ứng dụng, sử dụng phương pháp, thao tác nghiên cứu còn chưa thành thạo	Đề tài chưa phù hợp, ít giá trị ứng dụng, chưa biết sử dụng phương pháp, thao tác nghiên cứu
2	Hệ thống luận điểm và cách trình bày vấn đề nghiên cứu	Hệ thống luận điểm phong phú, logic; xác định đúng vấn đề trọng tâm; biết cách triển khai trình bày vấn đề một cách rõ ràng	Hệ thống luận điểm tương đối đầy đủ, đảm bảo logic nhất định; xác định đúng vấn đề trọng tâm, nhưng trình bày vấn đề chưa rõ ràng	Hệ thống luận điểm còn đơn giản; chưa xác định đúng vấn đề trọng tâm; chưa biết triển khai trình bày vấn đề
3	Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu	Có thể hiện quan điểm và thái độ của người viết, nhưng cách thể hiện chưa thực sự thuyết phục	Chưa thể hiện được quan điểm và thái độ của người viết hoặc quan điểm, thái độ chưa được diễn giải rõ ràng
4	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng xác đáng, phù hợp; phương pháp lập luận logic, chặt chẽ, đạt hiệu quả cao	Có sử dụng lí lẽ, bằng chứng và biết cách lập luận để củng cố cho các luận điểm nhưng chưa thật sự hiệu quả	Chưa biết cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng; chưa biết cách lập luận
5	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, gồm: Đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận và tài liệu tham khảo	Bài viết có đủ các phần chính nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu từng phần	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng
6	Sử dụng các	Sử dụng chính xác	Sử dụng phù hợp	Có sử dụng một số

	phương thức liên kết	và hiệu quả các phương thức liên kết câu, đoạn văn giúp bài viết rõ ràng	các phương thức liên kết câu, đoạn văn giúp người đọc dễ hiểu	phương thức liên kết câu, đoạn văn nhưng chưa mạch lạc
7	Cách dùng từ, đặt câu	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1,2 lỗi không đáng kể	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3-5 lỗi)	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên)
8	Trình bày bài viết	Trình bày rõ ràng, đúng quy cách, không mắc lỗi chính tả	Còn mắc 2-3 lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp	Mắc nhiều lỗi chính tả; trình bày bài viết không đúng quy cách

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Dựa vào rubric HS tham gia đánh giá bằng cách nhận xét, trao đổi, góp ý sau mỗi báo cáo hoặc phát biểu bình chọn, xếp loại cuối buổi, hoặc làm phiếu đánh giá với các mức độ khác nhau.

B3: Báo cáo kết quả

HS báo cáo kết quả tự đánh giá và đánh giá chéo.

B4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu và phần đánh giá của HS cho nhau, có thể xếp loại công khai ngay tại lớp.
- GV cho điểm và trả bài, sửa lỗi.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

Học sinh có thể tự phân tích, đánh giá được một bài báo cáo đã được viết trước đó.

b. Nội dung

- HS tìm đọc một số đề tài báo cáo đã được viết hoàn chỉnh, đọc và đánh giá về hình thức và nội dung của báo cáo.
- HS rút ra được ưu điểm và khuyết điểm (nếu có) của báo cáo.

Ví dụ đề tài:

(1) *Chất trữ tình và màu sắc anh hùng ca trong Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu – Nguyễn Hữu Sơn.*

(2) *Hình ảnh con người trong văn học trung đại Việt Nam – Hồ Tấn Nguyên Minh.*

c. Sản phẩm: phần đánh giá của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- HS chọn một bài báo cáo nghiên cứu về văn học trung đại Việt Nam.
- HS đọc và phân tích, đánh giá về bài báo cáo.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tự lựa chọn một báo cáo mà mình thích.
- Đọc, tìm hiểu về nội dung và hình thức của báo cáo.
- HS phân tích, đánh giá về bài báo cáo.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần nghiên cứu, đánh giá của mình.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV và HS khác nhận xét, đánh giá và chia sẻ các bài nghiên cứu tốt để HS tham khảo.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh nghiên cứu, viết báo cáo về một vấn đề mà mình thích

b. Nội dung

- HS lựa chọn đề tài, thu thập tài liệu, sắp xếp tài liệu về theo tiêu chí đặt ra.
- HS biết nghiên cứu, vận dụng các kiến thức kỹ năng đã có để tiến hành viết báo cáo.

c. Sản phẩm: Bài báo cáo của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV khuyến khích HS tự thu thập thông tin, tìm hiểu và viết báo cáo về vấn đề mà mình thích
- Gợi ý một số đề tài sau:

(1) Ý nghĩa của chi tiết cái bóng trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

(2) Cảm xúc mùa thu trong bài Thu hứng của Đỗ Phủ và bài Thu Vịnh của Nguyễn Khuyên.

(3) Hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại Việt Nam qua tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, tìm hiểu và viết bài.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh có thể nộp kết quả nghiên cứu của mình cho GV.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đọc, đánh giá bài báo cáo của học sinh.

BÀI VIẾT THAM KHẢO

Đề tài: Hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại Việt Nam qua tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.

MỞ ĐẦU

I. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ là một hình tượng thường xuyên được đề cập trong các sáng tác của những cây bút kiệt xuất trong nền văn học trung đại Việt Nam. Họ mang trong mình tư dung tốt đẹp, tài sắc vẹn toàn nhưng lại có số phận đầy bi thương, bị xã hội chà đạp, tước đoạt đi hạnh phúc, quyền được sống. Ấy vậy mà họ vẫn luôn toát lên những phẩm chất cao quý, tốt đẹp. Văn học trung đại Việt Nam đã khắc họa bức tranh hiện thực xã hội đầy bất công oan trái mà người phụ nữ thời phong kiến phải cam chịu, đồng thời tôn vinh phẩm chất sáng ngời của họ, tiêu biểu là hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và “Truyện Kiều” của Nguyễn Du. Tìm hiểu tác phẩm theo hướng nghiên cứu hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại sẽ giúp độc giả hiểu sâu hơn về số phận và vẻ đẹp của người phụ nữ thời phong kiến Việt Nam, đồng thời rèn luyện, củng cố kỹ năng đọc hiểu tác phẩm cổ một cách chủ động.

II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Mục tiêu: Với đề tài này, người viết nhằm tái hiện khách quan hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại Việt Nam, hình tượng này xuất hiện liên tục cho đến cuối thời trung đại, Từ đó, thấy được lịch sử xã hội và thái độ của nhà văn đối với hình tượng này.

Nhiệm vụ: Tiến hành phân tích, đánh giá hình tượng người phụ nữ với vẻ đẹp về phẩm chất và số phận bất hạnh, nhiều bi kịch trong văn học trung đại Việt Nam qua hai văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và “Truyện Kiều” của Nguyễn Du. Xác định điểm tương đồng về hình tượng người phụ nữ trong văn chương cổ.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng: Văn bản “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ và “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du.

Phạm vi: Hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại Việt Nam qua hai văn bản trên của hai tác giả tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam là Nguyễn Dữ và Nguyễn Du.

IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thực hiện đề tài này, người viết sử dụng một số phương pháp như: *phương pháp phân tích tổng hợp, khảo sát văn bản, phương pháp so sánh.*

NỘI DUNG

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. Khái niệm hình tượng và hình tượng trong văn học

Hình tượng là sự phản ánh hiện thực một cách khái quát bằng nghệ thuật dưới hình thức những hiện tượng cụ thể, sinh động, điển hình, nhận thức trực tiếp bằng cảm tính. Hình tượng văn học trong các tác phẩm luôn là phương tiện hình thức để nhà văn bộc lộ giá trị tư tưởng và phong cách nghệ thuật của mình. Mỗi nhà văn khi cầm bút phải không ngừng sáng tạo tìm tòi để xây dựng hình tượng nhân vật tiêu biểu đặc sắc. Không phải tác phẩm văn học nào cũng có hình tượng văn học. Không phải nhân vật nào trong tác phẩm văn học đều trở thành hình tượng nhân vật văn học. Để trở thành hình tượng văn học điều kiện tiên quyết là phải có tính điển hình. Trong văn học, hình tượng nhân vật phải là: nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nghĩa là nhân vật văn học ấy phải có sức tập trung khái quát cao. Nhân vật ấy phải có những nét chung nhất của tầng lớp, giai cấp... mà mình đại diện. Và bối cảnh xã hội mà nhân vật ấy xuất hiện phải là bối cảnh điển hình của một vùng, một nơi vào một thời điểm lịch sử nhất định. Như vậy: hình tượng nhân vật trong văn học là nhân vật điển hình trong tác phẩm văn học, mang đậm nét khái quát của tầng lớp, giai cấp của nhân vật ấy, đồng thời là nhân vật có những nét riêng đặc biệt, xuất hiện trong bối cảnh điển hình mà tác phẩm văn học ấy thể hiện.

2. Hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại

Trong giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVI – thế kỉ XIX, ở nước ta do điều kiện xã hội đặc biệt của nó mà trong văn học dân tộc ta hình thành một trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Trong trào lưu văn học này, lần đầu tiên hình ảnh người phụ nữ được đề cập đến một cách phổ biến trong nhiều tác phẩm của nhiều tác giả: Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm có người chinh phụ trong *Chinh phụ ngâm*; Nguyễn Gia Thiều có người cung nữ trong *Cung oán ngâm khúc*; Nguyễn Du có Thúy Kiều trong *Truyện Kiều*; Nguyễn Dữ có Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương*...

Trong dòng chảy quan niệm Việt Nam, người phụ nữ trong văn học trung đại hiện diện trong một vẻ đẹp toàn diện cả bên trong lẫn bên ngoài. Đó là một sự kết hợp hài hoà giữa sắc – tài – tâm, giữa nhan sắc và đức hạnh với “tam tòng, tứ đức”. Như vậy, ngay trong cái nền chung trong quan niệm về người phụ nữ đẹp của người Việt đã có một sự “đi biệt” qua từng thời kì văn học. Tuy nhiên, trong quan niệm của dân tộc ta thời kì này thì người phụ nữ đẹp thường gắn liền với số phận bất hạnh. Điểm lại gương mặt nhân vật nữ thời kì này ta thấy một điểm chung ở họ là có một cuộc đời đầy sóng gió, bể bâng, không mấy người có được hạnh phúc thật sự. Đặc điểm này phải chăng là do quan niệm “hồng nhan bạc mệnh”?

II. ĐẶC ĐIỂM HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM QUA HAI VĂN BẢN “CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG” CỦA NGUYỄN DỮ VÀ “TRUYỆN KIỀU” CỦA NGUYỄN DU.

1. Hình tượng người phụ nữ Việt Nam là hiện thân của cái đẹp

1.1. Vẻ đẹp hình thức

- Vũ Nương: vẻ đẹp dịu dàng, thuần hậu (“Thùy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp”).
- Thúy Kiều: Kiều đẹp “sắc sảo, mặn mà”. (dẫn chứng trong bài “Chị em Thúy Kiều”).

1.2. Vẻ đẹp tài năng, phẩm chất

- Vũ Nương: tính tình thùy mị nét na, yêu thương và chung thủy với chồng, hiếu thảo với mẹ chồng, thương con, hết lòng lo cho hạnh phúc gia đình...(Dẫn chứng)

- Thúy Kiều:

+ Không chỉ đẹp, Kiều còn là người phụ nữ toàn tài. Cầm, kỳ, thi, họa - tài nào nàng cũng giỏi nhưng nổi trội nhất vẫn là tài đàn. Đặc tả cái tài của Kiều cũng là để ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng. Bản đàn bạc mệnh mà nàng sáng tác chính là tiếng lòng của trái tim đa sầu đa cảm.

+ Hiếu thảo với cha mẹ, giàu đức hi sinh, có lòng vị tha, có trái tim đôn hậu, có ý thức sâu sắc về nhân phẩm của mình... (Dẫn chứng qua các đoạn trích đã học và đọc thêm).

2. Hình tượng người phụ nữ Việt Nam là hiện thân của những số phận bi thương

Qua hai tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” và “*Truyện Kiều*”, ta thấy người phụ nữ trong xã hội xưa là nạn nhân của xã hội phong kiến có nhiều bất công dẫn đến những đau khổ, thiệt thòi.

2.1. Người phụ nữ là nạn nhân của chế độ nam quyền

+ Nàng Vũ Nương có một cuộc hôn nhân không bình đẳng (Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng cưới Vũ Nương về làm vợ. Sự cách bức giàu nghèo khiến Vũ Nương luôn mặc cảm “thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu”; và sau này, cũng là cái thế để Trương Sinh đối xử với vợ một cách vũ phu, thô bạo, gia trưởng).

+ Chỉ vì hiếu làm mà Trương Sinh độc đoán, hồ đồ mắng nhiếc Vũ Nương, không cho nàng cơ hội thanh minh, khiến nàng phải tìm đến cái chết để minh oan.

+ Vũ Nương chết oan ức nhưng Trương Sinh không ân hận day dứt, không hề bị xã hội lên án. Trương Sinh coi như việc đã qua rồi. Như vậy, chuyện danh dự, sinh mệnh của người phụ nữ bị tùy tiện định đoạt bởi người đàn ông, không có hành lang đạo lý, dư luận xã hội bảo vệ, che chở.

2.2. Người phụ nữ còn là nạn nhân của chiến tranh, của xã hội đồng tiền đen bạc

+ Vũ Nương lấy Trương Sinh, chàng ra lính để lại mẹ già và đứa con còn chưa ra đời. Nuôi dưỡng mẹ già, chăm sóc con, nàng tận tụy vì gia đình nhưng chiến tranh làm xa cách, tạo điều kiện cho sự hiếu làm trở thành nguyên nhân gây bất hạnh.

+ Nàng Kiều lại là nạn nhân của xã hội đồng tiền. Xã hội ấy vận động trên cơ chế: “*Một ngày lạ thói sai nha/ Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền*”. Để có tiền cứu cha và em khỏi bị đánh đập, Kiều đã phải bán mình cho Mã Giám Sinh - một tên buôn thịt bán người, để trở thành món hàng cho hắn cân đong, đo đếm, cò kè... Cũng vì đồng tiền, Tú Bà và Mã Giám Sinh đẩy Kiều vào chốn lầu xanh nhơ nhớp, khiến nàng phải đau đớn, đắng cay suốt mười lăm năm lưu lạc, phải “*thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*”.

=> Những người phụ nữ như Vũ Nương, Thúy Kiều đều phải tìm đến cái chết để giải nỗi oan ức, thoát khỏi cuộc đời đầy đau khổ, oan nghiệt.

3. Điểm tương đồng của hình tượng người phụ nữ Việt Nam trong văn học trung đại

- Người phụ nữ trong hai tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” và “*Truyện Kiều*” hội tụ những vẻ đẹp đáng quý nhất và cũng là đầy đủ những gì đau khổ, tủi nhục nhất của con người. Họ là đại diện tiêu biểu của hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ.

- Viết về người phụ nữ, các nhà văn, nhà thơ đã đứng trên lập trường nhân sinh để bênh vực cho họ, đồng thời lên tiếng tố cáo gay gắt các thế lực đã gây ra nỗi đau khổ cho họ.

KẾT LUẬN

Nói tóm lại, ngày nay đọc lại văn học trung đại Việt Nam, ta thấy hình tượng người phụ nữ nổi bật lên hai nét lớn: phụ nữ hiện thân của cái đẹp và phụ nữ hiện thân của những số phận bi thương. Đây là một trong những thành công lớn của các tác gia văn học Việt Nam thế kỉ XVI - thế kỉ XIX. Nó đã góp phần vào trào lưu nhân đạo chủ nghĩa, góp phần vào tiếng nói đòi giải phóng con người, nhất là giải phóng phụ nữ. Khi xây dựng hình tượng các nhân vật phụ nữ này, ở mỗi tác phẩm văn học trung đại ta đều cảm nhận được thái độ cảm thông, trân trọng và ngợi ca của các nhà thơ nhà văn. Cái tâm, cái tình của các tác giả văn học trung đại mang đậm giá trị nhân đạo cao cả. Nói rộng ra, nó đều xuất phát từ tình yêu thương con người. Yêu thương nên đồng cảm với nỗi khổ của họ, yêu thương nên trân trọng ngợi ca những vẻ đẹp, những khát khao của họ, và yêu thương nên cất lên tiếng nói đấu tranh bảo vệ phụ nữ. Các tác giả đã thể hiện tấm lòng yêu thương, đồng cảm, xót xa cho những số phận người phụ nữ tài sắc mà bất hạnh, gặp nhiều bi kịch trong cuộc đời. Lên án, tố cáo xã hội phong kiến bất công, tàn bạo đã tước đi quyền sống, chà đạp lên con người. Khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp, phẩm chất cao quý của người phụ nữ, dù cuộc đời của họ truân chuyên, nhọc nhằn. Trân trọng, đề cao những khát vọng nhân văn của người phụ nữ: khát vọng về tình yêu, hạnh phúc, về một mái ấm gia đình bình dị, sum vầy. Các nhà thơ nhà văn đều đã khẳng định nguyện vọng được sống bình thường của con người là điều quan trọng và chế độ xã hội nào quan tâm làm cho con người đạt được nguyện vọng ấm no, hạnh phúc thì chế độ ấy mới có lí do tồn tại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Bích Trâm, <https://nguyenbichtram.blogspot.com/2016/02/hinh-tuong-nguoi-phu-nu-viet-nam-qua.html>, ngày 15/2/2016)